

Mã chương: 800

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Phổ Nhơn

Mã ĐVQHNS: 1050496

Mã cấp NS: 4



Ngày ký: 30/06/2025 15:21:33
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 22 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực XII
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 6 Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	011	00000	0	392.651.000	398.326.000	398.326.000	398.326.000	202.918.388	202.918.388	0	0	0	195.407.612
12	041	00000	0	349.500.000	349.500.000	349.500.000	349.500.000	157.304.657	157.304.657	0	0	0	192.195.343
12	161	00000	0	84.000.000	84.000.000	84.000.000	84.000.000	11.109.160	11.109.160	0	0	0	72.890.840
12	191	00000	0	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	12.300.000	12.300.000	0	0	0	7.700.000
12	221	00000	0	19.000.000	19.000.000	19.000.000	19.000.000	7.397.400	7.397.400	0	0	0	11.602.600
12	261	00000	0	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	0	0	0	0	0	25.000.000
12	281	00000	0	14.000.000	36.040.000	36.040.000	36.040.000	29.540.000	29.540.000	0	0	0	6.500.000
12	283	00000	0	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	0	0	0	0	0	60.000.000
12	292	00000	0	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	149.760.000	149.760.000	0	0	0	240.000
12	341	10472	346.732.000	0	501.511.000	501.511.000	848.243.000	0	0	0	0	0	848.243.000
12	341	10473	0	0	87.922.000	87.922.000	87.922.000	0	0	0	0	0	87.922.000
12	341	10474	0	0	165.474.000	165.474.000	165.474.000	0	0	0	0	0	165.474.000
12	341	10476	0	0	27.718.000	27.718.000	27.718.000	0	0	0	0	0	27.718.000
12	341	10477	0	0	50.747.000	50.747.000	50.747.000	0	0	0	0	0	50.747.000
12	341	10493	0	0	52.239.000	52.239.000	52.239.000	0	0	0	0	0	52.239.000

Phân KBN ghi:												
Cộng:												
23	341	00000	0	0	232.927.000	8.328.554.252	8.328.554.252	8.328.554.252	8.328.554.252	8.328.554.252	12.728.415.228	12.728.415.228
12	428	00000	0	0	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	0	0
12	398	00000	0	0	23.000.000	653.000.000	653.000.000	653.000.000	653.000.000	653.000.000	631.720.000	631.720.000
12	374	00000	0	0	284.000.000	284.000.000	284.000.000	284.000.000	284.000.000	284.000.000	112.000.000	112.000.000
12	362	00000	0	0	133.000.000	133.000.000	133.000.000	133.000.000	133.000.000	133.000.000	106.220.000	106.220.000
12	361	00000	0	0	1.408.555.000	1.408.555.000	1.408.555.000	1.408.555.000	1.408.555.000	1.408.555.000	723.162.535	723.162.535
12	351	00000	0	0	1.196.991.000	1.196.991.000	1.196.991.000	1.196.991.000	1.196.991.000	1.196.991.000	564.367.674	564.367.674
12	341	00000	0	0	2.889.376.000	3.574.783.260	3.574.783.260	3.574.783.260	3.574.783.260	3.574.783.260	1.692.061.162	1.692.061.162
12	341	30502	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	0	0
12	341	30477	0	0	2.747.000	2.747.000	2.747.000	2.747.000	2.747.000	2.747.000	0	0
12	341	30476	0	0	1.423.000	1.423.000	1.423.000	1.423.000	1.423.000	1.423.000	0	0
12	341	30474	0	0	8.451.000	8.451.000	8.451.000	8.451.000	8.451.000	8.451.000	0	0
12	341	30473	0	0	4.396.000	4.396.000	4.396.000	4.396.000	4.396.000	4.396.000	0	0
12	341	30472	17.337.000	0	24.821.000	24.821.000	24.821.000	24.821.000	24.821.000	24.821.000	0	0
12	341	20495	0	0	2.620.000	2.620.000	2.620.000	2.620.000	2.620.000	2.620.000	0	0
12	341	20493	0	0	11.905.000	11.905.000	11.905.000	11.905.000	11.905.000	11.905.000	0	0
12	341	20477	0	0	5.698.000	5.698.000	5.698.000	5.698.000	5.698.000	5.698.000	0	0
12	341	20476	0	0	3.324.000	3.324.000	3.324.000	3.324.000	3.324.000	3.324.000	0	0
12	341	20474	0	0	17.202.000	17.202.000	17.202.000	17.202.000	17.202.000	17.202.000	0	0
12	341	20473	0	0	9.473.000	9.473.000	9.473.000	9.473.000	9.473.000	9.473.000	0	0
12	341	20472	34.673.000	0	52.121.000	52.121.000	52.121.000	52.121.000	52.121.000	52.121.000	0	0
12	341	10502	0	0	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	0	0
12	341	10497	0	0	12.260.000	12.260.000	12.260.000	12.260.000	12.260.000	12.260.000	0	0

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Thanh Tuyền

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 30/06/2025 15:21:33
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 22 - Khoa học Nhà nước, Khoa Vực XII

Hoàng Thị Thu Hồng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đặng Thị Kim Ngân
Ngày ký: 30/06/2025 15:19:03
Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận

Người ký: Nguyễn Bảo Toàn
Ngày ký: 30/06/2025 15:19:57
Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận

Đặng Thị Kim Ngân

Nguyễn Bảo Toàn